TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 4 - 2021

V/v tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.

2. Ông Phan Văn Truyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 10/2021/TLDS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXHNGĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Yến N (tên thường gọi là H), sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 143, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Hoàng D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà N có mặt, ông D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Yến N, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Yến N trình bày: Vào năm 2009, bà và ông D yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên

có tổ chức lễ cưới. Đến ngày 10 tháng 8 năm 2011, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Bà và ông D tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông bà không cùng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung, ông D hay ghen và có hành vi chửi, đánh bà. Sự việc này cứ lặp đi lặp lại và kéo dài đến nay. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông D, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Bà xác định vợ chồng chung sống có hai người con chung tên Ngô Hoàng N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2010, giới tính nam; Ngô Hoàng Q, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016, giới tính nam. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung đến tròn 18 tuổi. Bà yêu cầu ông D phải có N vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng/01cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi hai người con chung tròn 18 tuổi; về tài sản chung: Bà xác định có nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến, đề nghị của bị đơn – Ông Ngô Hoàng D trình bày: Ông D xác định lời trình bày của bà N là đúng về quá trình vợ chồng tìm hiểu, chung sống, vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay ông D xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, vẫn còn còn khả năng hàn gắn, ông D còn yêu thương bà N nên không đồng ý ly hôn với bà N. Về con chung trong trường hợp, bà N cương quyết ly hôn thì ông D đồng ý tiếp tục giao cháu N và cháu Q cho bà N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi; ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi hai người con chung hàng tháng, mỗi tháng 500.000 đồng/01cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi hai con chung tròn 18 tuổi; về tài sản chung: Ông D xác định có nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Ông D xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là ông D có địa chỉ tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông D tại phiên tòa: Ông D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 2011. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà N và ông D xác định đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông D là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và N vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản hòa giải ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã K, về con chung trong trường hợp, bà N cương quyết ly hôn thì ông D đồng ý tiếp tục giao cháu N và cháu Q cho bà N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của bà N và ông D là tiếp tục giao hai người con chung cho bà N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc ông D phải có N vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi hai người con chung tròn 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Bà N và ông D xác định có nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà N và ông D xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước; buộc ông D phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Yến N, xử cho bà Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với ông Ngô Hoàng D.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tiếp tục giao hai người con chung tên Ngô Hoàng N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2010, giới tính nam; Ngô Hoàng Q, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016, giới tính nam cho bà Nguyễn Thị Yến N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi.

Buộc ông Ngô Hoàng D phải có N vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/01 cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi hai người con chung tròn 18 tuổi.

Ông Ngô Hoàng D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Ngô Hoàng D thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009563 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Bà Nguyễn Thị Yến N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Buộc ông Ngô Hoàng D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn

được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*